

Bản án số: **49/2018/HS-ST**  
Ngày: 22-8-2018

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Nam Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Ngọc Tính – Cán bộ hưu trí Hội cựu chiến binh tỉnh

Ông Nguyễn Văn Chiến – Cán bộ hưu trí Sở giáo dục đào tạo tỉnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trần Linda – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:**  
Ông Phan Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

**1. Lê Văn L**, sinh năm 1995 tại Khánh Hòa.

Nơi cư trú: 12/19, Vườn D, phường T, thành phố T1, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Thợ S; trình độ văn hoá (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; Con ông (Không rõ tên cha) và bà Lê Thị Hồng C (Sinh năm 1940); có vợ là Hà Đặng Thanh N (Sinh năm 1996) và có 01 con chung (Sinh năm 2012); tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 04/8/2017 – *Có mặt*;

**2. Trần Tiến Đ**, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2000 tại Khánh Hòa;

Nơi cư trú: Số 8 Hòa Do 6B, phường B, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở: Đường Nghĩa Phú, phường N1, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Thợ sửa xe; trình độ văn hoá (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thái B (Chết) và bà Trần Thị H (Chết); Bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 05/8/2017 – *Có mặt*;

**3. Cao Đăng S**, sinh năm 1990 tại Khánh Hòa;

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường N1, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới

tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Đăng K (Sinh năm 1961) và bà Hà Thị G (Sinh năm 1961); có vợ là Võ Thị Thanh T2 (Sinh năm 1991) và có 01 con chung (Sinh năm 2013); tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 05/8/2017. Đến ngày 01/02/2018 được bảo lãnh, hiện đang tại ngoại – *Có mặt*;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn L, Cao Đăng S, Trần Tiên Đ là bạn bè quen biết nhau và đều là người nghiện ma túy tổng hợp (ma túy đá) có tên khoa học là Methamphetamine (theo Nghị định 82/2013/NĐ ngày 19/7/2013 của Chính phủ thuộc mục số 67 danh mục 2 là các chất ma túy được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm nghiệm nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền). Khoảng đầu tháng 7 năm 2017, Lê Văn L được một người nghiện (không rõ họ tên địa chỉ) giới thiệu và cho số điện thoại của Nguyễn Thị Thanh T3 là người bán ma túy tại thành phố H1, tỉnh Đồng Nai. Sau đó, L liên lạc, tìm đến nơi ở của T3 tại H1 gặp T3 nhiều lần nhờ T3 mua ma túy. Tổng cộng L thông qua T3 mua được 120 gam ma túy tổng hợp (loại ma túy đá), giá 64.000.000 đồng (sáu bốn triệu đồng) cụ thể:

- Lần thứ nhất: Vào đầu tháng 7/2017, L từ Khánh Hòa đi xe khách đến H1 điện thoại cho Nguyễn Thị Thanh T3 và T3 cho người ra đón L vào nhà T3. Tại nhà T3, L đặt vấn đề mua ma túy của T3 nhưng T3 không có, nên L nhờ T3 mua giúp. Sau đó T3 giới thiệu Lâm Triệu V trú tại 128/6, đường Phan Đình Phùng, tổ 16, khu phố 2, phường B2 bán cho L 20 gam ma túy tổng hợp (loại ma túy đá) với giá 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng), L trả tiền và mang về nhà tại Khánh Hòa sử dụng hết.

- Lần thứ hai: Vào khoảng giữa tháng 7/2017, L gọi điện thoại nhờ T3 mua chịu 100 gam ma túy tổng hợp (loại ma túy đá) với giá 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng) thì T3 đồng ý. Sau đó, L cho số điện thoại của T3 nhờ người tên B3 (chưa rõ họ, địa chỉ) đi từ tỉnh Khánh Hòa vào thành phố H1 gặp T3 để lấy ma túy. Khi B3 về gặp L thì nói ma túy bị cướp mất, nên L điện thoại báo cho T3 biết thì giữa T3 và L thỏa thuận mỗi người chịu một nửa số tiền 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng). Đến ngày 01/8/2017, L đã ra bưu điện thành phố R, tỉnh Khánh Hòa chuyển cho T3 19.000.000 đ (mười chín triệu đồng).

- Lần thứ ba: Ngày 03/8/2017, L mang theo 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) đi từ Khánh Hòa vào thành phố H1, tỉnh Đồng Nai để mua ma túy của T3 nhưng do T3 không còn ma túy bán cho L nên L dùng số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng) mua chiếc xe mô tô hiệu SUZUKY, BKS: 60F6 - 5158 của Lâm Triệu V. Lúc này T3 nói L mang xe mô tô về trước, khi nào có ma túy thì T3 báo vào lấy thì L đồng ý. Trước khi ra về, L được Lâm Triệu V cho hai gói nhỏ ma túy (loại khay), L bỏ vào túi quần đang mặc. Ngày 04/8/2017 khi đi đến đoạn đường thuộc ấp H2, xã H3, huyện B4 thì bị Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai phát hiện và bắt quả tang, thu giữ: 02 (hai) gói ma túy tổng hợp loại Ketamine, trọng lượng: 1,2635gam; 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số thuê bao: 0935988447; 01 (một) điện thoại di động hiệu HTC, số thuê bao: 0905020711; 01 (một) xe mô tô hiệu SUZUKI, biển kiểm soát: 60F6 – 5158; 02 (hai) viên đạn.

Khoảng giữa tháng 7/2017, Lê Văn L có quen biết với một đối tượng tên là H4 (không rõ họ tên thật và địa chỉ) thì H4 có cho L một cây súng tự chế (hình súng bút) cùng bốn viên đạn để L sử dụng và L bỏ vào túi hành lý rồi mang về nhà cất giữ. Đến ngày 27/7/2017, L mang cây súng trên cùng hai viên đạn đến đưa Cao Đăng S và S mang cây súng trên cùng hai viên đạn cất giấu tại nhà thuộc tổ dân phố A, phường N1, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Còn lại hai viên đạn thì L bỏ vào bóp cất giữ và mang theo bên người. Đến ngày 29/7/2017, S đưa cây súng trên cùng hai viên đạn cho Trần Tiến Đ và Đ mang cây súng trên cùng hai viên đạn đến tiệm sửa xe nơi Đ đang học nghề sửa chữa xe tại đường P, phường N1, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa cất giấu.

Ngày 03/8/2017, L đến H1 gặp T3 để mua ma túy nên L ở lại nhờ T3 giúp mua ma túy và trả tiền sau. Sáng ngày 04/8/2017, L điện Thoại kêu S thuê xe ô tô chạy vào H1 đón L về, S nhờ đối tượng Trần Trung T4 là bạn đi thuê xe ô tô tự lái biển số: 79A-136.85 đến nhà chờ S đi, ngoài S còn rủ thêm Trần Tiến Đ cùng đi đón L. Trước khi lên xe ô tô, S nhắc Đ mang theo cây súng và hai viên đạn để đề phòng khi có chuyện xảy ra. Đ vào tiệm sửa xe nơi cất giấu cây súng lấy mang theo vào Đồng Nai đón L. Khoảng 0 giờ 45 phút ngày 05/8/2017, xe ô tô chở S và Đ bị kiểm tra phát hiện, thu giữ 01 cây súng hình bút và hai viên đạn, 01 gói ma túy tổng hợp (loại Cỏ mỹ). 01 gói nylon chứa ma túy tổng hợp (loại Khay), 02 viên ma túy tổng hợp (loại thuốc lắc), 01 điện thoại di động hiệu OPPO, 01 Điện thoại di động IPHONE, 18 triệu 500 ngàn đồng.

Đối với số ma túy thu giữ trên người Trần Tiến Đ, quá trình điều tra Đ khai, do có quen với một đối tượng tên H5 ở khu N2, R, Khánh Hòa nhưng Đ không biết họ tên thật và địa chỉ, qua đó Đ thường được H5 dẫn đi chơi và cho sử dụng loại ma túy đá. Vào sáng ngày 04/8/2017, H5 đến tiệm sửa xe nơi Đ đang học nghề rồi chở Đ đến một căn nhà hoang ở gần biển và cho Đ sử dụng chung ma túy đá, sau đó H5 còn cho Đ 01 gói ma túy Ketamine, hai viên thuốc lắc và gói cỏ mỹ để Đ sử dụng, đồng thời Hải cho Đ số điện thoại di động của H5 01882553138 và dặn, nếu có đối tượng nào cần mua ma túy thì giới thiệu đến gặp H5 để H5 bán ma túy cho họ. Khi được S rủ đi H1, Đồng Nai đón L thì Đ mang theo toàn bộ số ma túy trên để sử dụng thì bị kiểm tra bắt quả tang thu giữ.

Tại Kết luận giám định số 2713/KLGD ngày 09/8/2017 của Phân viện khoa học hình sự (C54B) Bộ Công an kết luận: “Khẩu súng gửi giám định là súng tự chế hình bút, kết quả bắn đạn nổ. Khẩu súng có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí quân dụng; 02 viên đạn gửi giám định là đạn chưa bắn thuộc loại đạn thể thao”.

Kết luận giám định số 2712/KLGD ngày 09/8/2017 của Phân viện khoa học hình sự (C54B) Bộ Công an kết luận: “02 viên đạn gửi giám định là đạn chưa bắn thuộc loại đạn thể thao quốc phòng, không nằm trong danh mục vũ khí quân dụng”.

Tại Kết luận giám định số 316/KLGD ngày 09/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận ma túy thu của Lê Văn L:

Tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy có trọng lượng: 1,2635gam loại Ketamine.

Kết luận giám định số 317/KLGD ngày 14/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận ma túy thu của Trần Tiến Đ:

- Tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy có trọng lượng: 1,1809gam loại Ketamine.

- 02 viên nén hình tròn màu xanh là ma túy có trọng lượng 0,6399gam, loại MDMA.

- Mẫu lá cây gửi giám định có trọng lượng: 0,9463gam có AB-FUBINACA. AB-FUBINACA không nằm trong danh mục chất ma túy và tiền chất ban hành kèm theo Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ và Nghị định số 126 ngày 09/12/2015 của Chính phủ.

Quá trình điều tra, khi bị bắt quả tang, Lê Văn L thừa nhận thông qua Nguyễn Thị Thanh T3 L đã mua 100gam ma túy đá với giá 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng), nhưng sau đó L đã phản cung không thừa nhận việc mua ma túy với T3 mà mua ma túy của đối tượng tên Lý và chỉ mua 50 gam. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã đủ cơ sở xác định Lê Văn L thông qua Nguyễn Thị Thanh T3 đã mua 100 gam ma túy tổng hợp (loại ma túy đá).

Đối với Nguyễn Thị Thanh T3, trú tại 291 thôn H6, xã Bắc S1, huyện B4, tỉnh Đồng Nai, là người giới thiệu người bán ma túy cho Lê Văn L, lúc đầu T3 thừa nhận tìm mua ma túy giúp L, biết rõ việc mua bán 120 gam ma túy tổng hợp (loại ma túy đá) của L, nhưng sau đó L và T3 cùng thay đổi lời khai quanh co chối tội, T3 hiện bị khởi tố trong vụ án khác, nên Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ sau.

Đối với đối tượng tên H4 là người cho L súng hình bút, 04 viên đạn không rõ họ tên, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

Đối với tên H5 cho Trần Tiến Đ ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

Đối với Lâm Triều V (tên gọi khác là L2) hiện không có mặt tại địa phương, không xác định được nơi ở, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

Đối với Trần Trung T4 là người lái xe chở Trần Tiến Đ, Cao Đăng S không biết việc tàng trữ ma túy, tàng trữ khẩu súng nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T4 là phù hợp.

Tại Cáo trạng số 138/CT-VKS-P1 ngày 07/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo như sau:

- Lê Văn L bị truy tố về các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự 2015.

- Trần Tiến Đ bị truy tố về các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo điểm g khoản 1 Điều 249 và khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự 2015.

- Cao Đăng S bị truy tố về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Văn L, Trần Tiến Đ và Cao Đăng S đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, riêng bị cáo Lê Văn L chỉ thừa nhận có tàng trữ trái phép chất ma túy là 1,1809gam thu giữ khi bắt bị cáo, còn 120gam Viện kiểm sát truy tố bị cáo tàng trữ là không đúng vì bị cáo không có mua ma túy của Nguyễn Thị Thanh T3, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

*Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

- Đối với bị cáo Lê Văn L:

• Không đủ cơ sở để buộc tội bị cáo Lê Văn L về hành vi tàng trữ trái phép 120gam ma túy (mua của Nguyễn Thị Thanh T3), chỉ truy tố bị cáo về hành vi tàng trữ 1,2635gam ma túy thu giữ khi bị bắt.

• Viện kiểm sát rút Quyết định truy tố bị cáo Lê Văn L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” từ khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999 xuống điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015.

• Riêng hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng của bị cáo đã rõ và bị cáo cũng đã nhận tội.

• Đề nghị xử bị cáo Lê Văn L từ 02 đến 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Đề nghị tổng hợp hình phạt theo quy định pháp luật.

- Đối với bị cáo Trần Tiến Đ: Hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ, Viện kiểm sát giữ nguyên truy tố như cáo trạng. Khi phạm tội bị cáo chưa thành niên, thành khẩn khai báo. Đề nghị xử bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Đề nghị tổng hợp hình phạt theo quy định pháp luật.

- Đối với bị cáo Cao Đăng S: Đề nghị xử bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

- Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ, đầy đủ, quyền được bào chữa của các bị cáo được đảm bảo.

[2] Về hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng: Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn L, Trần Tiến Đ và Cao Đăng S thừa nhận có tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng như truy tố của Viện kiểm sát theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự 2015 là đúng, không oan sai.

[3] Về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy:

- Bị cáo Lê Văn L: Ban đầu bị cáo khai mua ma túy của đối tượng tên Lâm Triệu V 20gam ma túy đá tổng hợp, sau đó mua tiếp của Nguyễn Thị Thanh T3 120gam ma túy tổng hợp. Trong quá trình điều tra, Lâm Triệu V bỏ trốn, Nguyễn Thị Thanh T3 cũng phản cung không thừa nhận có bán ma túy cho L, cũng như L không thừa nhận có mua ma túy của T3. Như vậy, không đủ cơ sở để buộc tội bị cáo L về hành vi tàng trữ 120gam ma túy như cáo trạng truy tố, và tại phiên tòa sơ thẩm, Viện kiểm sát rút Quyết định truy tố đối với bị cáo L về hành vi tàng trữ 120gam là có cơ sở, đúng pháp luật.

- Riêng việc bị cáo Lê Văn L bị bắt quả tang tàng trữ 1,2635gam ma túy và Trần Tiến Đ là 1,1809gam ma túy loại Katemine và 0,6399gam loại MDMA, các bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 là đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

- Bị cáo Lê Văn L: Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, hiểu rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn tàng trữ và sử dụng. Cây súng bị thu giữ cũng xuất phát từ bị cáo, chính bị cáo tàng trữ cây súng và sau đó đưa cho Cao Đăng S, S đưa cho Trần Tiến Đ. Do đó, cần xử bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với hành vi của bị cáo. Tình tiết tăng nặng: Không. Tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo hành vi phạm tội.

- Trần Tiến Đ: Viện kiểm sát truy tố bị cáo Đ hai tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại khoản 1 Điều 249 và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự 2015 là đúng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người nghiện ma túy, còn tàng trữ trái phép chất ma túy và tàng trữ vũ khí quân dụng nên cần xử bị cáo mức án tương xứng với vai trò của bị cáo trong vụ án. Về tình tiết tăng nặng: Không. Tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, khi phạm tội bị cáo chưa thành niên (17 tuổi 06 tháng), nên được xem xét các tình tiết đối với người chưa thành niên phạm tội.

- Bị cáo Cao Đăng S: Bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự 2015 là đúng người, đúng tội, cần xử bị cáo mức án tương xứng. Tình tiết tăng nặng: Không. Tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo.

[5] Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định (được niêm phong số 316, 317 ngày 14/8/2017) của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

- Trả lại cho Cao Đăng S số tiền thu giữ 18.500.000đ, 01 điện thoại di động hiệu Iphone , model A1778 FCCID: BCG-E3091A IC: 579C-E3091A.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn L 01 điện thoại di động hiệu HTC màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Iphone, imei: 358805057406340 và 2.500.000đ.

- Trả lại cho bị cáo Trần Tiến Đ 250.000đ và 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu trắng.

- Riêng chiếc xe mô tô hiệu SUZUKI, biển kiểm soát: 60F6 – 5158 thu của bị cáo L tại Kết luận Giám định số 08/KLGĐ-PC54 (Đ3) ngày 10/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai xác định trước giám định BE13B-TH705410, sau giám định kết luận số khung đã bị mài hủy và đục lại. Số máy trước giám định E110-TH705410, sau giám định kết luận số máy đã bị mài hủy và đục lại. Như vậy, xe mô tô không có giấy tờ hợp pháp cần tịch thu sung công.

- Riêng khẩu súng tự chế (dạng bút) và 04 viên đạn súng săn đã được bàn giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai ngày 19/7/2018.

[6] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

[7] Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn L, Trần Tiến Đ và Cao Đăng S phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”;

Các bị cáo Lê Văn L và Trần Tiến Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

2. Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự 2015; Riêng bị cáo Đ còn áp dụng thêm Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự 2015;

3. Xử phạt các bị cáo:

- Lê Văn L: 03 (Ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 03 (Ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hai tội bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/8/2017;

- Trần Tiến Đ: 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hai tội bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/8/2017.

- Cao Đăng S: 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giam trước đó (Từ ngày 05/8/2017 đến ngày 01/02/2018).

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định (được niêm phong số 316/PC54-GĐMT và số 317/PC54-GĐMT ngày 14/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai).

- Tịch thu sung công: 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, biển số: 60F6 – 5158, màu S xanh, số loại C110, dung tích xi lanh 109, số khung trước giám định: BE13B-TH705410, số khung sau giám định đã bị mài hủy và đục lại (không đọc được nội dung các số và ký tự ban đầu). Số máy trước giám định: E110-TH705410, sau giám định số máy đã bị mài hủy và đục lại (không đọc được nội dung các số và ký tự ban đầu).

- Tuyên trả cho các bị cáo:

• Lê Văn L: 01 điện thoại di động hiệu HTC màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Iphone, imei: 358805057406340 và 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

• Trần Tiến Đ: 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) và 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu trắng.

• Cao Đăng S: 18.500.000đ (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng), 01 điện thoại di động hiệu Iphone , model A1778 FCCID: BCG-E3091A IC: 579C-E3091A.

(Số vật chứng đã được bàn giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai tại Biên bản giao nhận vật chứng số NK180030 ngày 08/02/2018 và số tiền 21.250.000đ đã nộp vào tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai tại Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai ngày 09/02/2018)

5. Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai – Bị cáo;
- Phòng PV 27;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Lưu tòa HS;
- Lưu hồ sơ;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Nam Phương**



